

BẢNG KÊ ĐỒNG TIỀN THANH TOÁN

Đối với ____ [*ghi tên hạng mục*]

Nhà thầu lập bảng riêng cho từng hạng mục nếu các hạng mục có yêu cầu khác nhau đáng kể về đồng tiền thanh toán theo ngoại tệ và VND.

	A	B	C	D
Loại đồng tiền	Giá trị	Tỷ giá quy đổi sang VND	Giá trị tương đương theo VND (C = A x B)	Tỷ lệ phần trăm của giá dự thầu (D = Cx100/Giá dự thầu chưa bao gồm chi phí dự phòng)
VND		1.00		
Ngoại tệ: ____				
Ngoại tệ: ____				
Ngoại tệ: ____				
Giá dự thầu chưa bao gồm chi phí dự phòng				100
Chi phí dự phòng tính theo VND		1.00		
Giá dự thầu bao gồm cả chi phí dự phòng				

Nguồn: Thông tư 15/2022-TT-BKHĐT